

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/DSST

Ngày: 13/10/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Phi.

2. Bà Đỗ Thị Ngân.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2023, tại Phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 113/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2023, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-HPT ngày 26/9/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 08, ấp 3, xã Ln, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Thái Thanh T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Đào Thị Kim C, sinh năm 1984 và ông Trương Quốc C1, sinh năm 1982.

HKTT: Tổ 08, ấp 4, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 05, thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C1:

Bà Đào Thị Kim C, sinh năm 1984.

HKTT: Tổ 08, ấp 4, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 05, thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thu M, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ 06, thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Ông T, bà M có mặt; bà H, bà C, ông C1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các văn bản làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Thu H do ông Thái Thanh T làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 11/10/2019 bà H và bà M có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông C1, bà C một thửa đất có diện tích 4.100m² tọa lạc tại xã Lâm San với giá 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*). Cùng ngày bà H và bà M đặt cọc cho vợ chồng ông C1 bà C số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Do cần tiền làm ăn nên ông C1, bà C đã yêu cầu bà H và bà M giao đủ số tiền còn lại là 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*). Đồng thời, hẹn bà H và bà M đến ngày 02/01/2020 thì hai bên ra công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Vì cũng là chỗ quen biết và bà H với bà M cũng có thiện chí nhận chuyển nhượng thửa đất nêu trên nên đã đồng ý giao đủ số tiền 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*) còn lại cho vợ chồng ông C1, bà C.

Tuy nhiên, khi đến thời hạn; bà H và bà M có liên hệ, yêu cầu ông C1, bà C ra để làm thủ tục công chứng sang tên. Thì được biết vợ chồng ông C1, bà C đã cầm cố thửa đất trên ở ngoài giá 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*). Khi biết được sự việc như vậy, vợ chồng ông C1, bà C vẫn đồng ý chuyển nhượng thửa đất trên cho bà H và bà M. Đồng thời, bà H và bà M phải cho vợ chồng ông C1, bà C vay mượn số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ra công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Do bà H và bà M đã chôn đủ toàn bộ số tiền mua đất, và cũng để được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà H và bà M đã đồng ý chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông C1, bà C. Vợ chồng ông C1, bà C đồng ý, cam kết và viết giấy nợ hẹn đến ngày 10/8/2020 sẽ trả lại số tiền cho bà H và bà M là 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) mà bà H và bà M đã cho vợ chồng ông C1, bà C mượn để chuộc sổ. Trong đó số tiền của bà H là 175.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) và bà M là 175.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

Mặc dù vậy, từ đó đến nay vợ chồng ông C1 bà C đã không giữ đúng lời hứa theo thỏa thuận. Bà H có xuống NH để gặp vợ chồng ông C1, bà C để đòi lại số tiền trên nhưng vợ chồng ông C1, bà C có xin bà H khát lại một thời gian để trả nợ. Đến nay, đã hết thời hạn vay mượn, bà H đã nhiều lần xuống NH nhưng vợ chồng ông C1, bà C cứ cố tình tránh né và không muốn trả số tiền vay mượn trên cho bà H. Điều này làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của bà H.

Vì vậy, nay bà H đã làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án xem xét và giải quyết cho bà H. Cụ thể, yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Quốc C1 và bà Đào Thị Kim C phải trả cho bà H số tiền là 175.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) và bà H không yêu cầu trả tiền lãi suất. Nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng và hợp pháp cho bà H.

Bà Võ Thị Thu H khẳng định nội dung trình bày và toàn bộ diễn biến sự việc nêu trên là đúng sự thật, khẳng định bà Võ Thị Thu H đã đưa cho bà C, ông C1 mượn đủ số tiền 175.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) và bà C, ông C1 đã nhận đủ số tiền như trình bày nêu trên.

Theo biên bản lấy lời khai và các biên bản làm việc tại Tòa án bị đơn bà Đào Thị Kim C trình bày:

Bà Đào Thị Kim C và ông Trương Quốc C1 là vợ chồng. Bà H, bà C và ông C1 là có mối quan hệ quen biết và làm ăn với nhau.

Vì có nhu cầu bán đất nên khoảng năm 2019 vợ chồng bà C và ông C1 có bán cho bà Nguyễn Thị Thu M thửa đất có diện tích 4.100m² tọa lạc tại xã Lâm San với giá 360.000.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi triệu đồng*), bán bằng miệng và bà M đã đặt cọc cho vợ chồng bà C, ông C1 số tiền 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*), bà M giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó bà M nói đất ruộng xấu nên không mua nữa nên bà M đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C và ông C1, còn bà C và ông C1 trả lại cho bà M số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*). Các bên đồng ý và đã giải quyết xong.

Sau đó, vì có nhu cầu bán đất nên bà C và ông C1 đã bán cho bà Võ Thị Thu H thửa đất có diện tích 4.100m² tọa lạc tại xã Lâm San với giá 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*) và bà H đã thanh toán cho bà C và ông C1 đủ 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*). Bà C, ông C1 và bà H đã làm thủ tục sang tên thửa đất nêu trên cho bà Võ Thị Thu H. Sau khi bà H đứng tên trên Giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới phát hiện phần diện tích đất nêu trên bị thiếu diện tích nên bà C, ông C1 và bà H thỏa thuận và thống nhất bà C, ông C1 trả cho bà H thêm số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) và thỏa thuận bằng miệng số tiền này sẽ khấu trừ vào số tiền mua bán đất giữa bà H và bà C ở thửa đất khác. Tuy nhiên việc bà H, bà C và ông C1 thỏa thuận trả cho bà H số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) chưa giải quyết xong.

Bà C xác nhận giấy nợ ngày 18/01/2020 thì do ông Trương Quốc C1 viết và được viết tại Ủy ban nhân dân xã Lâm San, giấy nợ này có chữ ký và chữ viết của ông Trương Quốc C1, bà Đào Thị Kim C, bà Võ Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Thu M. Giấy nợ ngày 18/01/2020 thì bà C, ông C1 có đọc lại và sau đó mới ký, ghi rõ họ tên. Tuy nhiên trong giấy nợ này bà C chỉ xác nhận là vợ chồng bà C và ông C1 chỉ nhận số nợ là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) chứ không phải là 175.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

Nay, bà Võ Thị Thu H yêu cầu ông Trương Quốc C1 và bà Đào Thị Kim C phải trả cho bà H số tiền là **175.000.000** đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) thì

bà C không đồng ý trả số tiền nêu trên, bà C chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Bà Đào Thị Kim C khẳng định nội dung trình bày và toàn bộ diễn biến sự việc nêu trên là đúng sự thật, khẳng định xác nhận giấy nợ ngày 18/01/2020 thì do ông Trương Quốc C1 viết và được viết tại Ủy ban nhân dân xã Lâm San, giấy nợ này có chữ ký và chữ viết của ông Trương Quốc C1, bà Đào Thị Kim C, bà Võ Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Thu M. Tuy nhiên trong giấy nợ này bà C chỉ xác nhận là vợ chồng bà C và ông C1 chỉ nhận số nợ là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) chứ không phải là 175.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Quốc C1 bà C trình bày như ý kiến bà C đã trình bày ở trên. Ông C1 chỉ nhận số nợ là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) chứ không phải là 175.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu M trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thu M với bà H, bà C, ông C1 không có quan hệ quen biết thân thuộc gì. Riêng bà C là người môi giới cho bà M một số lô đất tại huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Vì có nhu cầu mua đất nên vào tháng 8 năm 2018 thì bà M có mua của bà Đào Thị Kim C thửa đất có diện tích 4.100m² tọa lạc tại xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ với giá 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng), việc mua bán có viết bằng giấy tay có chữ ký của bà C, bà M và bà M đã trả trước cho bà C số tiền tổng cộng 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), số tiền còn lại là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) thì các bên thỏa thuận khi nào ra công chứng sẽ giao đủ. Thời điểm đó bà M giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất nêu trên đứng tên bà C. Sau đó chuẩn bị đi công chứng thì bà M phát hiện nhầm lẫn thửa đất của bà C và chú của bà C - là ông Đào Văn Lạc thì bà M có nhờ bà C điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 4.100 m².

Tuy nhiên, bà C hứa hẹn nhiều lần và không thực hiện các thủ tục để công chứng. Ngày 30/11/2018 thì bà C có trả lại cho bà M 50.000.000 đồng và nói sẽ làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sẽ công chứng sang tên nên bà M đã giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C đi điều chỉnh. Bà C hứa hẹn hoài mà không thực hiện và đã cầm cố thửa đất nêu trên cho người khác với số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Tiếp theo bà C lại bán thửa đất nêu trên cho bà Võ Thị Thu H với giá 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Tuy nhiên bà M phát hiện ra việc bà C lừa dối nên đã viết đơn ngăn chặn gửi ra Ủy ban nhân dân xã Lâm San và được Ủy ban nhân dân xã Lâm San hòa giải thì bà H và bà M thỏa thuận mỗi người phải chịu 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và hai người cùng đứng tên đồng sở hữu thửa đất này và bà M đưa thêm cho bà H số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) là xong, vì số tiền 250.000.000 đồng bà M đã đưa trước cho bà C trước đó.

Nhưng vì số đo hiện đang cầm cố cho người khác và do bà H và bà M đã chồng đủ toàn bộ số tiền mua đất, và cũng để được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà H và bà M đã đồng ý chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông C1, bà C. Vợ chồng ông C1 bà C đồng ý, cam kết và viết giấy nợ hẹn đến ngày 10/8/2020 sẽ trả lại số tiền cho bà H và bà M là 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) mà bà H và bà M đã cho vợ chồng ông C1, bà C mượn để chuộc sổ. Trong đó số tiền của bà H là 175.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) và bà M là 175.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*). Và các bên đã viết giấy nợ ngày 18/01/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Lâm San, giấy nợ này do ông Trương Quốc C1 viết, có chữ ký và chữ viết của các bên là ông Trương Quốc C1, bà Đào Thị Kim C, bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thị Thu M.

Bà M xác nhận bà H có cho bà C, bà C1 mượn 175.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) để chuộc lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Nay, bà Võ Thị Thu H yêu cầu ông Trương Quốc C1 và bà Đào Thị Kim C phải trả cho bà H số tiền là 175.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) thì bà Nguyễn Thị Thu M yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền chênh lệch diện tích đất thì bà M khẳng định bà C có trả cho bà M số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án bà H yêu cầu bà C và ông C1 trả cho bà H số tiền vay là 175.000.000 đồng. Yêu cầu của bà H là có cơ sở và phù hợp nên Tòa án cần xử chấp nhận yêu cầu của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Bà Võ Thị Thu H khởi kiện yêu cầu bà Đào Thị Kim C và ông Trương Quốc C1 trả cho bà H số tiền vay là 175.000.000 đồng nên đây là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Nơi cư trú của bà C và ông C1 là xã Nghĩa THnh, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà H vắng mặt nhưng đã ủy quyền tham gia tố tụng cho ông T; Ông C1 vắng mặt nhưng đã ủy quyền tham gia tố tụng cho bà C; bà C, ông C1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và đây là lần vắng mặt thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt bà H, bà C, ông C1 là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu đòi bà C và ông C1 trả số tiền nợ vay là 175.000.000 đồng cho bà H thấy:

Bà Võ Thị Thu H, bà Đào Thị Kim C, ông Trương Quốc C1 đều thống nhất là bà H, bà C, ông C1 có mối quan hệ quen biết và làm ăn với nhau.

Bà H khẳng định là bà H và bà M có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông C1, bà C một thửa đất có diện tích 4.100m² tọa lạc tại xã Lâm San với giá 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*). Bà H và bà M đã trả đủ tiền cho bà C. Tuy nhiên, khi đến thời hạn công chứng thì bà H được biết vợ chồng ông C1, bà C đã cầm cố thửa đất trên ở ngoài giá 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*). Khi biết được sự việc như vậy, vợ chồng ông C1, bà C vẫn đồng ý chuyển nhượng thửa đất trên cho bà H và bà M. Đồng thời, bà H và M phải cho vợ chồng ông C1, bà C vay mượn số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) để chuộc giấy chứng nhận và ra công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông C1, bà C đồng ý, cam kết và viết giấy nợ hẹn đến ngày 10/8/2020 sẽ trả lại số tiền cho bà H và bà M là 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) mà bà H và bà M đã cho vợ chồng ông C1, bà C mượn để chuộc sổ. Trong đó số tiền của bà H là 175.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) và bà M là 175.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*). Đến nay, đã hết thời hạn vay mượn, bà H đã nhiều lần đòi nợ nhưng vợ chồng ông C1, bà C không muốn trả số tiền vay mượn trên cho bà H.

Còn bà C thì cho rằng khoảng năm 2019 vợ chồng bà C và ông C1 có bán cho bà Nguyễn Thị Thu M thửa đất có diện tích 4.100m² tọa lạc tại xã Lâm San với giá 360.000.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi triệu đồng*), bán bằng nói miệng và bà M đã đặt cọc cho vợ chồng bà C, ông C1 số tiền 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*), bà M giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó bà M nói đất ruộng xấu nên không mua nữa nên bà M đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C và ông C1, còn bà C và ông C1 trả lại cho bà M số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*). Các bên đồng ý và đã giải quyết xong. Sau đó, bà C và ông C1 đã bán cho bà Võ Thị Thu H thửa đất có diện tích 4.100m² tọa lạc tại xã Lâm San với giá 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*) và bà H đã thanh toán cho bà C và ông C1 đủ 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*). Bà C, ông C1 và bà H đã làm thủ tục sang tên thửa đất nêu trên cho bà Võ Thị Thu H. Sau khi bà H đứng tên trên Giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới phát hiện phần diện tích đất nêu trên bị thiếu diện tích nên bà C, ông C1 và bà H thỏa thuận và thống nhất bà C, ông C1 trả lại cho bà H số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) và thỏa thuận bằng miệng số tiền này sẽ khấu trừ vào số tiền mua bán đất giữa bà H và bà C ở thửa đất khác. Tuy nhiên việc bà H, bà C và ông C1 thỏa thuận trả cho bà H số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) chưa giải quyết xong. Bà C xác nhận giấy nợ ngày 18/01/2020 thì do ông Trương Quốc C1 viết và được viết tại Ủy ban nhân dân xã Lâm San, giấy nợ này có chữ ký và chữ viết của ông Trương Quốc C1, bà Đào Thị Kim C, bà Võ Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Thu M. Giấy nợ ngày 18/01/2020 thì bà C, ông C1 có đọc lại và sau đó mới ký, ghi rõ họ tên. Tuy nhiên trong giấy nợ này bà C chỉ xác nhận là

vợ chồng bà C và ông C1 chỉ nhận số nợ là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) chứ không phải là 175.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Như vậy bà C, ông C1 thừa nhận giấy nợ ngày 18/01/2020 là do ông Trương Quốc C1 viết tại Ủy ban nhân dân xã Lâm San, giấy nợ này có chữ ký và chữ viết của ông Trương Quốc C1, bà Đào Thị Kim C. Bà C, ông C1 cho rằng trong giấy nợ này bà C, ông C1 chỉ xác nhận là vợ chồng bà C và ông C1 chỉ nhận nợ số tiền là 40.000.000 đồng chứ không phải là 175.000.000 đồng nhưng ý kiến trình bày này của bà C, ông C1 là không có cơ sở. Theo Giấy nợ ngày 18/01/2020 thì bà C và ông C1 nợ bà H và bà M là 350.000.000 đồng. Cam kết hẹn đến ngày 10/8/2020 sẽ trả lại số tiền cho bà H và bà M là 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*). Trong đó số tiền của bà H là 175.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) và bà M là 175.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*). Do đó căn cứ vào giấy nợ ngày 18/01/2020 thì bà H yêu cầu bà C, ông C1 trả cho bà H số tiền 175.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp.

Do đó căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 471 của [Bộ luật dân sự năm 2015](#) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu H buộc bà Đào Thị Kim C và ông Trương Quốc C1 phải trả cho bà H số tiền nợ vay là 175.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Đào Thị Kim C và ông Trương Quốc C1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (sau đây viết tắt là DSST) có giá ngạch là 175.000.000 đồng x 5% = 8.750.000 đồng (Tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Hoàn trả lại cho bà H số tiền 4.375.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà H đã nộp theo biên lai số 0005185 ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi Hành án Dân sự huyện Châu Đức.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu H về việc yêu cầu bà Đào Thị Kim C và ông Trương Quốc C1 trả cho bà H số tiền nợ vay.

Buộc bà Đào Thị Kim C và ông Trương Quốc C1 trả cho bà Võ Thị Thu H số tiền nợ vay là 175.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ khi bên được thi Hành án có đơn yêu cầu thi Hành án nếu bên phải thi Hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Đào Thị Kim C và ông Trương Quốc C1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.750.000 đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Võ Thị Thu H số tiền 4.375.000 (bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí mà H đã nộp theo biên lai số 0005185 ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi Hành án Dân sự huyện Châu Đức.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/10/2023), đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền kháng cáo; đối với những người vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR - VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Cơ quan THA dân sự H.Châu Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Loan